

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28/4/2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà;
2. Ông Võ Thành Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 313/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **NDDL**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: ấp Tân Đông, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Anh **NHT**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: ấp Sơn Hiệp, xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **NDDL** trình bày như sau:

Chị và anh **NHT** tự tìm hiểu và quen biết đi đến kết hôn với nhau vào năm

2018, hôn nhân tự nguyện, lần thứ nhất, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 09/02/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho gia đình, chị đã nhiều lần khuyên răn nhưng anh không thay đổi. Tới tháng 6/2021, anh T đi làm ăn xa, chị có phát hiện anh T có nhắn tin yêu đương qua lại với người phụ nữ khác, sau đó 2 vợ chồng có ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng không có kết quả. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên NTĐ, sinh ngày 28/8/2018, hiện nay đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Do chị đang đi làm xa trên tỉnh Đồng Nai không tham gia phiên tòa được nên có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

** Lời trình bày của bị đơn anh NHT trong quá trình giải quyết vụ án như sau:* Anh và chị L kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 09/02/2018, hôn nhân lần thứ nhất. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau dù có đôi lúc cự cãi. Khoảng tháng 6/2021, anh đi làm ăn xa, trong lúc nhậu say anh có nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác thì bị vợ anh phát hiện. Sau đó, anh đã nhiều lần xin lỗi vợ nhưng vợ không tha thứ cho anh và gửi đơn xin ly hôn. Khoảng thời gian đi làm xa do dịch nên anh không về nhà được. Sau thời gian đi làm xa trở về, hay tin vợ gửi đơn ly hôn và anh đã nhiều lần nói chuyện với chị L nhưng chị L không cho anh cơ hội. Và anh trở về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 10/01/2022, vợ chồng ly thân tới nay. Nay anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: anh chị có 01 con chung tên NTĐ, sinh ngày 28/8/2018, hiện nay đang sống với chị L. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được chăm sóc và nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa.

** Nội dung biên bản xác minh ngày 04/3/2022 về tình trạng hôn nhân của anh T và chị L:* Mâu thuẫn hôn nhân của anh T và chị L địa phương không rõ. Hiện nay, anh chị đã sống ly thân. Chị L và con sống bên cha mẹ ruột, còn anh T

thì làm ăn xa không có ở nhà.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật (có đơn xin xét xử vắng mặt). Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, do đó đã từ bỏ quyền của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu NTĐ, sinh ngày 28/8/2018 cho chị L được chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không có. Chị L yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Chị NDDL (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

Anh NHT (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 09/02/2018 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn, chị L yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, chị L cho rằng do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm lo cho gia đình và có mối quan hệ với người phụ nữ khác dù vợ chồng trao đổi nhưng không có kết quả. Anh T không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ thương con.

Cuộc sống hôn nhân, vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, trở thành một tế bào của xã hội, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại và không muốn sống chung lại nữa, mặc dù đã có thời gian để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Tòa án đã hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng phía chị L vẫn kiên quyết ly hôn. Thời gian ly thân vừa qua, giữa anh T và chị L cũng không còn tới lui chăm sóc cho nhau. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị L thực tế đã không còn tồn tại, mâu thuẫn đã trầm trọng và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L là được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung:

Chị L và anh T đều xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị có 01 con chung tên NTĐ, sinh ngày 28/8/2018, hiện nay đang sống với chị L. Nếu ly hôn, chị L và anh T đều có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Đ hiện nay đang sống với chị L, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Đ, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Chị L phải tạo điều kiện cho anh T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị L và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí chị L đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NDDL.

* Về hôn nhân: Chị NDDL được ly hôn với anh NHT.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 05, ngày 09/02/2018 do Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp cho chị NDDL và anh NHT không còn giá trị pháp lý).

* Về con chung: Giao 01 con chung tên NTĐ, sinh ngày 28/8/2018 cho chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không có yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị L và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị NDDL phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008739 ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Anh NHT không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị L và anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã An Bình;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

